TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOẰNG HÓA** **TỈNH THANH HOA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST
Ngày 20/6/2025.
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vương Thị Liên

Bà Trịnh Thị Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kiều Oanh - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 145/2025/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 06/06/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Cao Thanh Đ, sinh năm 1976. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2025, bản tự khai ngày 26/5/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Cao Thanh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức cưới và UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp đăng ký kết hôn ngày 21/7/2003. Sau khi cưới chị phát hiện anh Đ nghiện ma túy nên đã động viên nhiều lần để anh Đ cai nghiện nhưng không được, đến năm 2012 do điều kiện kinh tế khó khăn mà anh Đ lại nghiện ma túy nên chị đã đi xuất khẩu lao động tại Ăng gô la, trong thời gian chị đi xuất khẩu lao động thì anh Đ ở nhà đã đi cai nghiện ma túy tự nguyện. Năm 2016 chị về nhưng anh Đ vẫn tiếp tục sử dụng ma túy,

từ đó mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, anh Đ nhốt chị trong nhà và đánh đập chị, khi được mẹ chồng mở cửa chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và làm đơn ly hôn, vì tình cảm giữa chị với anh Đ khi đó thực sự không còn, nhưng anh Đ cố tình không đến Tòa án và không đồng ý ly hôn, sau 06 tháng không giải quyết được chị đã rút đơn. Sau khi rút đơn chị tiếp tục sang Ăng gô la để làm ăn từ cuối năm 2016 đến nay hai người không liên lạc gì với nhau, vợ chồng không ai quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng thực sự không còn khả năng hàn gắn được, đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con: Chị và anh Cao Thanh Đ có hai con chung là Cao Đức A, sinh ngày 17/4/2004 và Cao Đức Q, sinh ngày 30/6/2007. Hiện nay cháu A đã đủ tuổi thành niên và đang học năm cuối đại học nên cháu ở với ai là quyền của cháu. Đối với cháu Q chưa đủ tuổi thành niên nhưng từ khi vợ chồng sống ly thân cháu ở với anh Đ, chị là người cấp dưỡng nuôi hai cháu ăn học hàng tháng. Nay nếu cháu có nguyện vọng ở với chị thì chị đồng ý nuôi, nếu cháu có nguyện vọng ở với anh Đ thì chị đồng ý và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh Đ mỗi tháng 3.000.000 đồng như lâu nay.

Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bản tự khai ngày 26/5/2025, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Cao Thanh Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức cưới và UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp đăng ký kết hôn ngày 21/7/2003. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến năm 2012 do kinh tế gia đình khó khăn nên chị H đi xuất khẩu lao động tại Ăng gô la đến năm 2016 về nước thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H có mối quan hệ không lành mạnh với người đàn ông khác nên đã làm đơn ly hôn anh, khi đó anh không đồng ý ly hôn và không đến Tòa án giải quyết, sau đó chị H ra nước ngoài làm ăn. Nay chị H về tiếp tục làm đơn ly hôn, quan điểm của anh là tình cảm vợ chồng cũng không còn, thời gian sống ly thân đã lâu và không còn ai quan tâm đến nhau, nhưng vì các con không muốn bố mẹ ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con: Anh và chị H có hai con chung là Cao Đức A, sinh ngày 17/4/2004 và Cao Đức Q, sinh ngày 30/6/2007. Hiện nay cháu A đã đã trưởng thành nên ở với ai là quyền của cháu, còn cháu Q đang đi học, nguyện vọng của anh là được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu, vì từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu ở với anh Đ, chị H có nghĩa vụ đóng góp nuôi con chung, mức đóng góp bao nhiêu là tùy chị H.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của con chưa thành niên: Cháu Cao Đức Q, sinh ngày 30/6/2007, nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với bố.

Theo đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị H, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, con chung giữa chị Nguyễn Thị H và anh Cao Thanh Đ.

Biên bản xác minh tham khảo ý kiến của cơ quan Nhà nước về gia đình về

nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng trong vụ án Hôn nhân và Gia đình ngày 27/5/2025 tại thôn K và UBND xã H, huyện H thể hiện:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Thanh Đ có đăng ký kết hôn do UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 21/7/2003. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại thôn K, xã H, đến năm 2012 chị H đi xuất khẩu lao động tại Ăng gô la, khoảng năm 2016 chị H về sau đó lại tiếp tục đi cho đến nay. Nay chị H về làm đơn xin ly hôn anh Đ, do chị H không gửi đơn đến thôn và xã mà gửi trực tiếp đến Toà án nhân dân huyện Hoằng Hóa để giải quyết nên chính quyền địa phương không biết nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Thanh Đ có hai con chung là Cao Đức A, sinh ngày 17/4/2004 và Cao Đức Q, sinh ngày 30/6/2007. Cả hai cháu đều ở với anh Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn ghi Cao Văn Đ1, Căn cước công dân là Cao Thanh Đ. Ngày 07/6/2021 anh Đ đã cải chính từ Cao Văn Đ1 thành Cao Thanh Đ.

Về sự có mặt của anh Cao Thanh Đ và chị Nguyễn Thị H: Anh Cao Thanh Đ có nơi cư trú tại thôn K, xã H. Anh Đ đang có mặt tại dịa phương, còn chị H đi xuất khẩu lao động nay về nhà mẹ đẻ ở thôn T, xã H ở.

Nay chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Cao Thanh Đ, địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại Điều 70, 71,72 của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Cao Thanh Đ.

Về con: Giao cháu Cao Đức Q cho anh Cao Thanh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 6/2025 cho đến khi cháu Q đủ tuổi trưởng thành. Chị H có quyền qua lại thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ: Chị H, anh Đ không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện ly hôn anh Cao Thanh Đ có nơi cư trú tại xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Hoằng Hóa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Thanh Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 21/7/2003, như vậy hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh Đ: Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 chị H đi xuất khẩu lao động tại Ăng gô la, năm 2016 chị H về nước thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ nghi ngờ chị có mối quan hệ không lành mạnh với người đàn ông khác nên chị H đã làm đơn ly hôn nhưng sau đó rút đơn và chị H đi nước ngoài làm ăn từ đó đến nay. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được nữa, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn vì tình cảm giữa chị với anh Đ thực sự không còn, anh Đ cũng cho rằng tình cảm vợ chồng cũng không còn, thời gian sống ly thân đã lâu và không còn ai quan tâm đến nhau, nhưng vì các con không muốn bố mẹ ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn, nhưng cũng không có biện pháp gì để khắc phục tình cảm vợ chồng. Thấy rằng, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anhh Đông thực sự cũng không còn, do đó xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anhh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh Đ là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay.

[3] Về con*:* Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Thanh Đ có hai con chung là Cao Đức A, sinh ngày 17/4/2004 và Cao Đức Q, sinh ngày 30/6/2007. Cháu Cao Đức A đã trưởng thành hai bên không yêu cầu nên không xem xét. Đối với cháu Cao Đức Q từ khi vợ chồng sống ly thân cháu ở với anh Đ, nay anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu, cháu Q cũng có nguyện vọng ở với anh Đ. Để không xáo trộn cuộc sống cũng như việc học tập của cháu, nên chấp nhận nguyện vọng của anh Đ. Giao cháu Cao Đức Q cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 6/2025 cho đến khi cháu Q đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động.

[5] Về tài sản, công nợ: Chị H, anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tố tụng: Anh Cao Thanh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[8] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Cao Thanh Đ.

Về con: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Thanh Đ có hai con chung là Cao Đức A, sinh ngày 17/4/2004 và Cao Đức Q, sinh ngày 30/6/2007. Cháu Cao Đức A đã trưởng thành nên không xem xét.

Giao cho anh Cao Thanh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Cao Đức Q. Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 6/2025 cho đến khi cháu Q đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản, công nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000432 ngày 19 tháng 5

năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa. Chị H còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Cao Thanh Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hoá;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND huyện Hoằng Hóa;*
- *Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;*
- *UBND xã Hoằng Đức, huyện Hoằng Hóa;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thị Nga